

Họ và tên:.....

Lớp: 8...

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.

(Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng)

Câu 1. Một công ty kinh doanh vật liệu xây dựng có bốn kho hàng, mỗi kho hàng có 50 tấn hàng. Biểu đồ cột kép dưới đây biểu diễn số lượng vật liệu đã xuất bán và số lượng vật liệu còn tồn lại trong kho sau tuần lễ kinh doanh đầu tiên.



Kế toán đã ghi nhầm số liệu của một kho trong biểu đồ cột kép. Theo em kế toán đã ghi nhầm số liệu ở kho nào ?

A. Kho 4

B. Kho 1

C. Kho 3

D. Kho 2

Câu 2. Thống kê tỉ lệ % học sinh lớp 8A chọn môn thể thao yêu thích (mỗi em chọn 1 môn), được cho trong bảng sau:

Môn thể thao	Bóng đá	Cầu lông	Bóng chuyền	Bóng bàn
Tỉ lệ %	50%	25%	12,5%	12,5%

Môn thể thao học sinh lớp 8A yêu thích nhiều nhất là

A. Bóng chuyền

B. Bóng bàn

C. Cầu lông

D. Bóng đá

Câu 3. Một hộp đựng 10 tấm thẻ cùng loại, mỗi tấm thẻ được ghi một trong các số 11; 12; 13; ... 19; 20; hai tấm thẻ khác nhau thì ghi số khác nhau. Rút ngẫu nhiên một tấm thẻ trong hộp. Xác suất để rút được tấm thẻ ghi số nguyên tố là :

A. 0,2

B. 0,4

C. 0,5

D. 0,6.

Câu 4. Nghiệm của phương trình $-3x + 5 = 0$ là:

A. $x = \frac{5}{3}$

B. $x = -\frac{5}{3}$

C. $x = \frac{3}{5}$

D. $x = -\frac{3}{5}$.

Câu 5. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất một ẩn ?

A. $0x + 3 = 0$

B. $x^2 - 2 = 0$

C. $\frac{1}{2}x - 3 = 0$

D. $\frac{5}{x} + 1 = 0$.

Câu 6. $x = 2$ là nghiệm của phương trình

A. $2x + 1 = 0$

B. $x + 2 = 0$

C. $x - 2 = 0$

D. $2x - 1 = 0$

Câu 7. $\triangle ABC \sim \triangle DEF$ theo trường hợp cạnh-góc- cạnh nếu $\hat{B} = \hat{E}$ và có:

A. $\frac{AB}{BC} = \frac{DE}{DF}$.

B. $\frac{AC}{DF} = \frac{BC}{EF}$.

C. $\frac{AB}{DE} = \frac{AC}{DF}$.

D. $\frac{AB}{DE} = \frac{BC}{EF}$.

Câu 8. Nếu $\triangle ABC$ và $\triangle MNP$ có $\widehat{BAC} = \widehat{NPM}$; $\widehat{ACB} = \widehat{MNP}$ cách viết nào sau đây đúng ?

A. $\triangle ABC \sim \triangle MNP$

B. $\triangle ABC \sim \triangle PMN$

C. $\triangle ABC \sim \triangle PNM$

D. $\triangle ABC \sim \triangle NMP$

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1: (1,5 điểm). Giải các phương trình sau

a) $4x - 5 = 2x + 1$

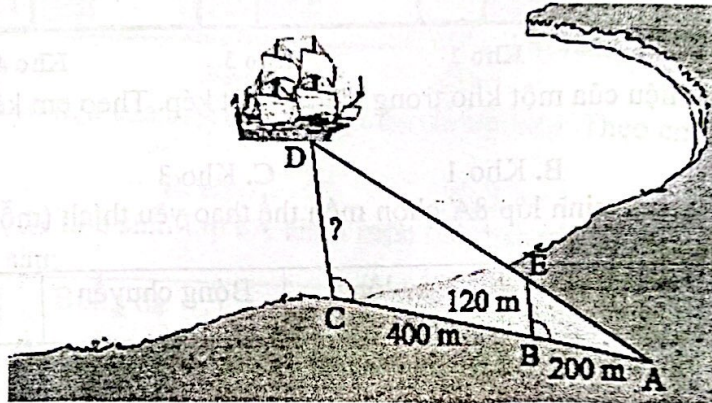
b) $\frac{x-2}{6} - \frac{x}{2} = \frac{5-2x}{3}$

Bài 2: (2,5 điểm).

1) Một ô tô đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu với vận tốc trung bình là 40km/h. Lúc từ Bạc Liêu về Cần Thơ vẫn trên cùng tuyến đường, ô tô đi với vận tốc 60km/h. Vì vậy tổng thời gian cả đi và về hết tất cả 5 giờ. Tính quãng đường mà ô tô đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu ?

2) Một hộp chứa các viên bi màu trắng và đen có kích thước và khối lượng như nhau. Mai lấy ra ngẫu nhiên một viên bi từ hộp, xem màu rồi trả lại hộp. Lặp lại thử nghiệm đó 80 lần, Mai thấy có 24 lần lấy được viên bi màu trắng. Hãy tính xác suất thực nghiệm của biến cố "Lấy được viên bi màu đen" sau 80 lần thử.

Bài 3: (0,5 điểm). Với số liệu được ghi trên hình vẽ bên dưới, tính khoảng cách CD từ con tàu đến trạm quan trắc đặt tại điểm C.



Bài 4: (3 điểm). Cho tam giác ABC vuông tại A , có đường cao AH .

a) Chứng minh rằng: $\triangle ABC \sim \triangle HBA$.

b) Gọi M, N lần lượt là trung điểm của BC và AB , từ B kẻ đường thẳng vuông góc với BC cắt MN kéo dài tại I . Chứng minh rằng $MN \parallel AC$ và $IB^2 = IM \cdot IN$.

c) Gọi O là giao điểm của IC và AH . Chứng minh O là trung điểm của AH .

Bài 5: (0,5 điểm). Giải phương trình: $\frac{x-241}{17} + \frac{x-220}{19} + \frac{x-195}{21} + \frac{x-166}{23} = 10$

-----Hết-----

Họ và tên:

Thời gian: 90 phút

Lớp: 7.....

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất:

Câu 1. Để biểu diễn tỉ lệ phần trăm số học sinh xếp loại học tập loại Tốt, Khá, Đạt, Chưa Đạt của một lớp học, ta dùng biểu đồ nào?

- A. Biểu đồ hình quạt tròn B. Biểu đồ đoạn thẳng
C. Biểu đồ cột D. Biểu đồ tranh

Câu 2. Biểu thức nào sau đây không phải là đa thức một biến?

- A. $6x^4 + x^2 - 3$ B. 4 C. $8y^5 + 3y - 1$ D. $x^3 + \frac{2}{x^2} - 1$

Câu 3. Số nào sau đây là nghiệm của đa thức $P(x) = 3x + 9$?

- A. -9 B. -3 C. 9 D. 3

Câu 4. Diện tích hình chữ nhật có chiều dài a (cm) và chiều rộng 5 (cm) là:

- A. 5a (cm) B. $2(a + 5)$ (cm) C. $5a$ (cm²) D. $2(a + 5)$ (cm²)

Câu 5. Cho tam giác ABC cân tại A có $\widehat{A} = 70^\circ$. Khi đó số đo góc B là:

- A. 70° B. 60° C. 110° D. 55°

Câu 6. Nếu tam giác MNP vuông tại M có $\widehat{N} = 30^\circ$ thì

- A. $NP < MP < MN$ B. $MP < MN < NP$ C. $MN < NP < MP$ D. $MP < NP < MN$

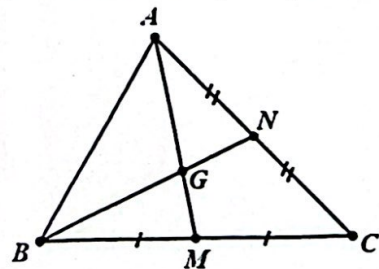
Câu 7. Cho điểm M thuộc đường trung trực của đoạn thẳng AB. Biết $MA = 7$ cm, độ dài đoạn thẳng MB là:

- A. 7 cm B. 5 cm C. 14 cm D. 3,5 cm

Câu 8. Cho tam giác ABC có hai đường trung tuyến AM, BN cắt nhau tại G (như hình vẽ).

Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $\frac{BG}{GN} = \frac{1}{2}$ B. $\frac{AM}{AG} = \frac{2}{3}$
C. $\frac{GM}{AM} = \frac{1}{3}$ D. $\frac{BN}{GN} = 2$

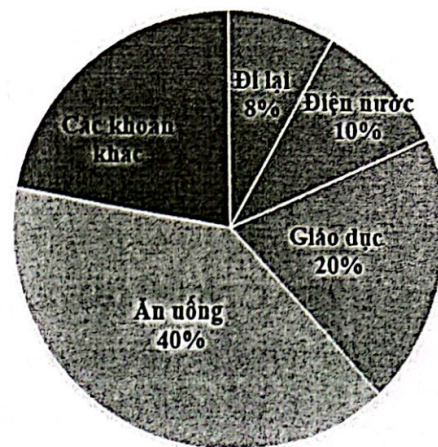


II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1. (1,0 điểm) Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số nhỏ hơn 40.

- a) Viết tập hợp M gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra.
b) Tính xác suất của biến cố: “Số tự nhiên được viết ra lớn hơn hoặc bằng 30”.

Bài 2. (1,5 điểm) Biểu đồ hình quạt tròn ở hình bên biểu diễn tỉ lệ phần trăm chi phí sinh hoạt một tháng của gia đình bác An.



- Chi phí dành cho các khoản khác của gia đình bác An chiếm bao nhiêu phần trăm?
- Trong một tháng, gia đình bác An dành chi phí nào nhiều nhất? Chi phí nào ít nhất?
- Tính số tiền gia đình bác An chi tiêu cho giáo dục biết tổng chi phí sinh hoạt là 15000000 đồng một tháng.

Bài 3. (2,0 điểm) Cho hai đa thức $P(x) = 5x^3 + x^2 - 4x + 6$

$$Q(x) = 3x^4 + 4x^2 - 1 + x^3 - 2x - x^2 - 3x^4$$

- Tính giá trị của đa thức $P(x)$ tại $x = 2$.
- Thu gọn và sắp xếp đa thức $Q(x)$ theo số mũ giảm dần của biến. Xác định bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của đa thức $Q(x)$.
- Tính $P(x) + Q(x)$.

Bài 4. (3,0 điểm) Cho tam giác ABC ($AB < AC$) có AD là tia phân giác của $\widehat{BAC}$ ($D \in BC$). Trên cạnh AC lấy điểm E sao cho $AB = AE$.

- Chứng minh $\triangle ABD = \triangle AED$.
- Gọi M là giao điểm của AD và BE . Chứng minh $\triangle DBE$ cân và $AD \perp BE$ tại M .
- Lấy điểm G thuộc AM sao cho $AG = \frac{2}{3}AM$. Trên tia đối của tia MA lấy điểm K sao cho $GA = GK$. Chứng minh G là trọng tâm của $\triangle ABE$ và $GB = EK$.

Bài 5. (0,5 điểm) Cho biểu thức $P = \frac{3a-b}{2a+7} + \frac{3b-a}{2b-7}$ với $a \neq -3, 5$; $b \neq 3, 5$

Tính giá trị của biểu thức P biết $a - b = 7$.

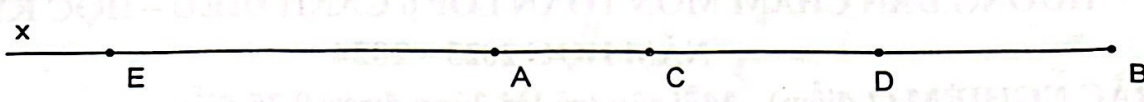
-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	C	A	D	B	B	C

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

TT	Đáp án	Điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	Mặt 3 chấm xuất hiện nhiều nhất	0,5
	Xác suất thực nghiệm mặt có số chấm là số lẻ là: $\frac{64}{110} = \frac{32}{55}$	0,5
Bài 2 (2,5 điểm)	1. a) $(-5, 32) + (-4, 68) = -(5, 32 + 4, 68) = -10$	0,5
	b) $\frac{5}{24} - \frac{5}{16} = \frac{10}{48} - \frac{15}{48} = \frac{-5}{48}$	0,5
	c) $\frac{-13}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-13}{5} \cdot \frac{8}{11} + 3 \cdot \frac{4}{5} = \frac{-13}{5} \left(\frac{3}{11} + \frac{8}{11} \right) + \frac{19}{5} = \frac{-13}{5} + \frac{19}{5} = \frac{6}{5}$	0,5
	2. a) $x + \frac{3}{5} = 0,4$	0,25
	$x + \frac{3}{5} = \frac{2}{5}$	
	$x = \frac{2}{5} - \frac{3}{5}$	
	$x = \frac{-1}{5}$ Vậy $x = \frac{-1}{5}$	0,25
	b) $3,5 - \frac{1}{2}x = \frac{5}{4}$	0,25
	$\frac{1}{2}x = \frac{7}{2} - \frac{5}{4}$	
	$\frac{1}{2}x = \frac{9}{4}$	
	$x = \frac{9}{4} : \frac{1}{2}$	
	$x = \frac{9}{2}$	0,25
	Vậy $x = \frac{9}{2}$	
Bài 3 (1,5 điểm)	a) Diện tích thửa ruộng đó là $48.65 = 3120(m^2)$.	0,75
	b) Tính được cả thửa ruộng đó thu hoạch được số tạ thóc là 22,62 tạ thóc.	0,75

Bài 4 (2,5 điểm)	 Vẽ hình đúng đến câu a	0,25
	a) Chỉ ra được $AC + CB = AB$	0,25
	Tính được độ dài đoạn thẳng CB là 6 cm	0,5
	b) Vì D là trung điểm của đoạn thẳng CB $\Rightarrow CD = \frac{CB}{2} = \frac{6}{2} = 3(cm)$	0,75
	c) Tính được $AD = 5cm$, suy ra $AE = AD$	0,25
	Ta có điểm A nằm giữa 2 điểm E và D	0,25
	Vậy suy ra A là trung điểm của đoạn thẳng ED	0,25
Bài 5 (0,5 điểm)	Đặt $B = 1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2023}$ và tính được $B = 2^{2024} - 1$	0,25
	Đặt $C = 2^{2025} - 2$ và tính được $C = 2(2^{2024} - 1)$	0,25
	Tính được $A = \frac{1}{2}$ và kết luận.	0,25

- Điểm toàn bài làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.
- Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.

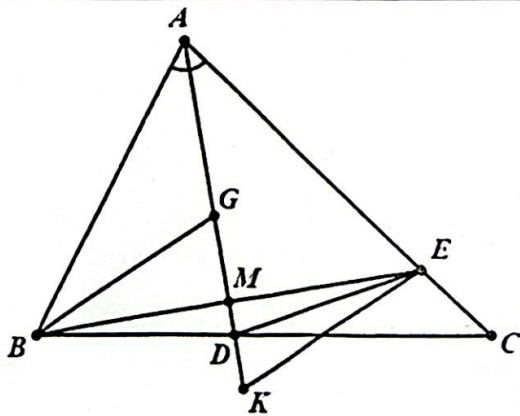
HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN HỌC KỲ II - LỚP 7

NĂM HỌC 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	C	D	B	A	C

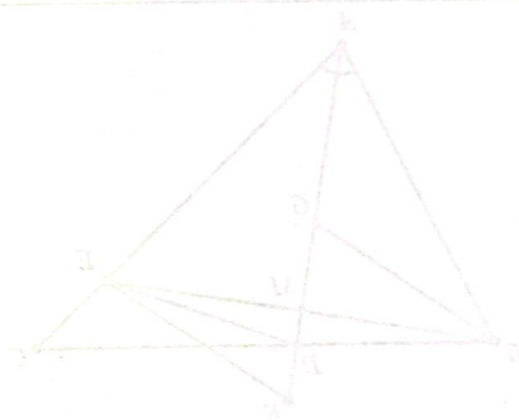
II. TỰ LUẬN (8 điểm)

TT	Đáp án	Điểm	
Bài 1 (1,0 điểm)	a) Tập hợp M gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra là: $M = \{10; 11; 12; \dots; 38; 39\}$.	0,5	
	b) Có 10 kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được viết ra lớn hơn hoặc bằng 30” là 30; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 38; 39.	0,25	
	Xác suất của biến cố trên là $\frac{10}{30} = \frac{1}{3}$.	0,25	
Bài 2 (1,5 điểm)	a) Tính được bằng 22%.	0,5	
	b) Trong một tháng, gia đình bác An dành chi phí ăn uống nhiều nhất, chi phí đi lại ít nhất.	0,25 0,25	
	c) Số tiền gia đình bác An chi tiêu cho giáo dục là: $15000000 \cdot 20\% = 3000000$ (đồng)	0,5	
Bài 3 (2,0 điểm)	a) Tính được $P(2) = 42$	0,5	
	b) Thu gọn đúng	0,25	
	Sắp xếp đúng: $Q(x) = x^3 + 3x^2 - 2x - 1$	0,25	
	Bậc: 3	0,25	
	Hệ số cao nhất: 1, hệ số tự do: -1	0,25	
	c) Tính đúng $P(x) + Q(x) = 6x^3 + 4x^2 - 6x + 5$	0,5	
Bài 4 (3,0 điểm)		Vẽ hình đúng đến câu a)	0,25
	a) Chứng minh được $\triangle ABD = \triangle AED$ (c.g.c)	0,75	
	b) Chỉ ra $BD = ED$ (hai cạnh tương ứng) Suy ra $\triangle DBE$ cân tại D.	0,25 0,25	
	Chứng minh AD là đường trung trực của BE suy ra $AD \perp BE$ tại M.	0,5	
	c) Chứng minh AM là đường trung tuyến của $\triangle ABE$. Kết hợp $AG = \frac{2}{3}AM$, chỉ ra được G là trọng tâm $\triangle ABE$.	0.25 0.25	

	Có $GM = \frac{1}{2}GA$ và $GA = GK$ suy ra $GM = \frac{1}{2}GK$, từ đó chỉ ra $GM = MK$.	0.25
	Chứng minh $\Delta MGB = \Delta MKE$ suy ra $GB = EK$.	0.25
Bài 5 (0,5 điểm)	Từ $a - b = 7$ suy ra $a = b + 7$ Có $P = \frac{3a-b}{2a+7} + \frac{3b-a}{2b-7} = \frac{3(b+7)-b}{2(b+7)+7} + \frac{3b-(b+7)}{2b-7}$	0,25
	$= \frac{3b+21-b}{2b+14+7} + \frac{3b-b-7}{2b-7}$ $= \frac{2b+21}{2b+21} + \frac{2b-7}{2b-7} = 1+1=2$	0,25

- Điểm toàn bài làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.

- Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.

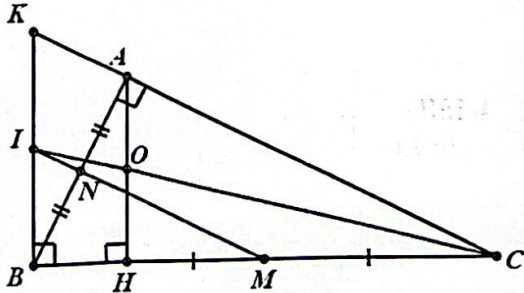


HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 8 - HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm). Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	A	C	C	D	B

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

TT	Đáp án	Điểm
Bài 1: (1,5 điểm)	a) $4x - 5 = 2x + 1$	0,25
	$4x - 2x = 5 + 1$	0,25
	$x = 3$	0,25
	KL:	
	b) $\frac{x-2}{6} - \frac{x}{2} = \frac{5-2x}{3}$	
	$x - 2 - 3x = 2(5 - 2x)$	0,25
	$-2x - 2 = 10 - 4x$	0,25
	$x = 6$	
	KL:	0,25
Bài 2 (2,5 điểm)	1) Gọi quãng đường ô tô đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu là $x (km; x > 0)$	0,25
	Thời gian ô tô đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu là: $\frac{x}{40}$ (giờ)	0,25
	Thời gian ô tô đi từ Bạc Liêu về Cần Thơ là: $\frac{x}{60}$ (giờ)	0,25
	Lập luận để có pt: $\frac{x}{40} + \frac{x}{60} = 5$	0,25
	$3x + 2x = 600$	0,25
	$5x = 600$	0,25
	Giải pt và tìm được: $x = 120$	0,25
	KL: Vậy quãng đường ô tô đi từ Cần Thơ đến Bạc Liêu là: 120km	
	2) Xác suất thực nghiệm của biến cố “Lấy được viên bi màu đen” sau 80 lần thử: $\frac{80-24}{80} = \frac{7}{10} = 0,7$	0,5
Bài 3 (0,5 điểm)	1) Học sinh chứng minh được $CD // BE$	
	Theo hệ quả của định lý Thalès, ta có: $\frac{CD}{BE} = \frac{AC}{AB}$	0,25
	$\frac{CD}{120} = \frac{200+400}{200} \Rightarrow CD = 360(m)$	
	Vậy khoảng cách từ con tàu đến trạm quan trắc là 360m	0,25
Bài 4 (3 điểm)	Học sinh vẽ hình đúng tới câu a 	0,25

	a) Học sinh chứng minh được $\Delta ABC \sim \Delta HBA$ (g-g)	0,75
	b) Học sinh chứng minh MN là đường trung bình của ΔABC $\Rightarrow MN \parallel AC$	0,5 0,25
	Học sinh chứng minh được $\Delta IBM \sim \Delta INB$ (g-g) $\Rightarrow \frac{IB}{IN} = \frac{IM}{IB}$ (2 cặp cạnh tương ứng) $\Rightarrow IB^2 = IN \cdot IM$	0,5 0,25
	c) Gọi K giao điểm của AC và BI $HO \parallel BI \Rightarrow \frac{HO}{BI} = \frac{CO}{CI}$ (Hệ quả của định lý thales) (1) $OA \parallel IK \Rightarrow \frac{OA}{IK} = \frac{CO}{CI}$ (Hệ quả của định lý thales) (2) $MI \parallel CK \Rightarrow \frac{BM}{MC} = \frac{BI}{IK} = 1$ (MB=MC) $\Rightarrow IK=BI$ Từ (1) và (2) $\Rightarrow \frac{HO}{BI} = \frac{OA}{IK}$ mà $IK=BI \Rightarrow OH=OA$ $\Rightarrow O$ là trung điểm của AH	0,25 0,25
Bài 5 (0,5 điểm)	$\frac{x-241}{17} + \frac{x-220}{19} + \frac{x-195}{21} + \frac{x-166}{23} = 10$ $\frac{x-241}{17} - 1 + \frac{x-220}{19} - 2 + \frac{x-195}{21} - 3 + \frac{x-166}{23} - 4 = 0$ $\frac{x-258}{17} + \frac{x-258}{19} + \frac{x-258}{21} + \frac{x-258}{23} = 0$ $(x-258) \left(\frac{1}{17} + \frac{1}{19} + \frac{1}{21} + \frac{1}{23} \right) = 0$ $x-258 = 0 \text{ vì } \left(\frac{1}{17} + \frac{1}{19} + \frac{1}{21} + \frac{1}{23} \neq 0 \right)$ $x = 258$ Vậy nghiệm của phương trình là $x = 258$	0,25 0,25

- Điểm toàn bài làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.
- Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.



Họ và tên:
Lớp: 6.....

I. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Học sinh làm bài trực tiếp vào đề kiểm tra.
(Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng)

Câu 1. Phân số $\frac{43}{1000}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. 0,043 B. 0,0043 C. 0,43 D. 4,3

Câu 2. Phép so sánh nào sau đây là đúng?

- A. $\frac{1}{17} > \frac{-3}{-17}$ B. $\frac{-3}{17} > \frac{1}{17}$ C. $\frac{1}{-17} < \frac{-3}{17}$ D. $\frac{1}{17} > \frac{-3}{17}$

Câu 3. Biểu đồ tranh ở hình bên cho biết số cây xanh trồng được của các lớp 6 trong một trường THCS nhân dịp Tết trồng cây. Lớp 6A2 trồng được số cây xanh là

- A. 50 B. 40
C. 30 D. 20

6A1	   
6A2	  
6A3	    
6A4	 
 : 10 cây	

Câu 4. Khi gieo một đồng xu 15 lần liên tiếp, có 9 lần xuất hiện mặt ngửa thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp là

- A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{5}{2}$

Câu 5. Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-15}{16}$ là

- A. $\frac{16}{15}$ B. $\frac{15}{16}$ C. $\frac{15}{-16}$ D. $\frac{-16}{15}$

Câu 6. Làm tròn số 431,6489 đến hàng phần trăm được kết quả là

- A. 431,64 B. 431,65 C. 430 D. 431,649

Câu 7. Hai tia đối nhau trong hình vẽ dưới đây là

- A. Ay và Bx B. Bx và By
C. Ax và By D. AB và BA



Câu 8. Cho đoạn thẳng $AB = 9$ cm. Nếu điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì độ dài đoạn thẳng MA là

- A. 9 cm B. 18 cm C. 4,5 cm D. 3 cm

II. TỰ LUẬN (8,0 điểm). Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

Bài 1 (1,0 điểm).

Gieo một con xúc xắc cân đối và đồng chất 110 lần liên tiếp và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	17	18	24	15	23	13

a) Hỏi mặt mấy chấm xuất hiện nhiều nhất.

b) Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ.

Bài 2 (2,5 điểm).

1. Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể)

a) $(-5,32) + (-4,68)$

b) $\frac{5}{24} - \frac{5}{16}$

c) $\frac{-13}{5} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-13}{5} \cdot \frac{8}{11} + 3\frac{4}{5}$

2. Tìm x biết

a) $x + \frac{3}{5} = 0,4$

b) $3,5 - \frac{1}{2}x = \frac{5}{4}$

Bài 3 (1,5 điểm).

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài là 65 m, chiều rộng là 48 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1ha thu hoạch được 72,5 tạ thóc. Hỏi cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (Biết $1ha = 10000m^2$).

Bài 4 (2,5 điểm).

Cho đoạn thẳng $AB = 8$ cm. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 2$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng CB.

b) Gọi D là trung điểm của đoạn thẳng CB, tính độ dài đoạn thẳng CD.

c) Vẽ tia Ax là tia đối của tia AB. Lấy điểm E thuộc tia Ax sao cho $AE = 5$ cm. Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng ED không? Vì sao?

Bài 5 (0,5 điểm). Tính giá trị của biểu thức

$$A = \frac{1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2023}}{2^{2025} - 2}$$

-----Hết-----